

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập điện tử cơ bản (228057) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>gmgz</i> Ng. T. L. Phương	<i>luuc</i> N.K. SUREN	<i>gmgz</i> Ng. T. L. Phương	<i>luuc</i> N.K. SUREN

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B			<i>B</i>	7.1	6.5	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121150063	HUỖNH MAI NGỌC BẢO	21/03/2003	CCQ2115B							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B			<i>Chung</i>	8.8	9.0	8.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121150057	TẠ QUANG HẢI DƯƠNG	11/10/2002	CCQ2115B			<i>Phuoy</i>	8.4	9.5	9.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2118050076	VĂN THÀNH ĐẠT	08/07/2000	CCQ1805B			<i>Đạt</i>	8.4	9.0	8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121150046	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/01/2003	CCQ2115B							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN NHẬT	12/08/2003	CCQ2115A			<i>Nhat</i>	8.5	8.5	8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A			<i>Ph</i>	7.6	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121150031	TRẦN THANH PHÚ	07/03/2003	CCQ2115A			<i>Phu</i>	6.0	8.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121150014	TRỊNH HOÀNG PHÚC	24/11/2003	CCQ2115A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121150020	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	15/11/2003	CCQ2115A			<i>Phuong</i>	7.4	9.0	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A			<i>Phuong</i>	8.8	8.5	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121150025	NGUYỄN NGỌC THIÊN	16/02/2003	CCQ2115A			<i>Thien</i>	6.9	8.5	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121150033	HUỖNH NGỌC THÔNG	01/05/2002	CCQ2115A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121150021	NGUYỄN KIM TIẾN	15/09/2003	CCQ2115A			<i>Tien</i>	6.9	6.5	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121150028	PHÙNG NINH ANH TRÍ	02/11/2003	CCQ2115A			<i>Tri</i>	8.8	8.5	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121150018	MAI THÁI TUẤN	11/04/2003	CCQ2115A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A			<i>Van</i>	8.9	9.5	9.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A			<i>Vu</i>	8.5	9.0	8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

21/ ~~2121150044~~ *nguyen Dinh Tu* | 09/09/2002 | CCQ 2115B | *Tu* | 6.9 | 9.0 | 8.2

22	2118150062	LE Dong Uy Luu	09/02/1999	CCQ 1815A	<u>Jun</u>	8.3	8.5	8.4
23	2118150079	Bui Nguyen Duc Hong	24/03/2000	CCQ 1815A	<u>Thao</u>	6.3	8.5	7.6